

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 116/2024/HS-PT
Ngày: 15-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kế Nghiệp

Các Thẩm phán: Ông Võ Minh Triều

Bà Trần Thị Chon

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang** tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 65/2024/TLPT-HS ngày 20 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo Hà Châu T và bị cáo Lê Thế T1, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2024/HS-ST ngày 16/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Bị cáo Hà Châu T, sinh năm 1997 tại tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Ấp T, xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch Việt Nam; Con ông Hà Văn Q và bà Trương Ngọc Đ; Bị cáo chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo Lê Thế T1, sinh năm 1979 tại TP.; Nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch Việt Nam; Con ông Lê Văn Q1 (chết) và bà Trần Thị G (chết); Vợ là Huỳnh Thị T2, sinh năm 1974 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ ngày 16/9/2023, Hà Châu T điều khiển xe mô tô biển số 68C1-031.94 chở Nguyễn Minh V đi uống cà phê tại thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe chở V đi về nhà, trên đường về T rủ V đi trộm cây mai vàng trước lò sấy lúa của ông Hồ Hữu D thuộc ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Kiên Giang để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, V đồng ý. T điều khiển xe chở V đến trước lò sấy lúa của ông D thì phát hiện có 03 cây mai vàng đang trồng trên chậu, quan sát xung quanh thấy bên trong nhà ông D còn thức nên T và V không lấy trộm mà quay về nhà cô út của V gần đó, đến khuya sẽ quay lại lấy trộm. Đến khoảng 02 giờ 50 phút ngày 17/9/2023, T điều khiển xe mô tô biển số 68C1-031.94 chở V quay lại lò sấy lúa của ông D để lấy trộm cây mai. T và V lên lúc nhỏ cây mai trong chậu của ông D có kích thước tán rộng 1,7 mét, hoành 38 cm, chiều cao 1,3 mét. Sau đó, T và V chở cây mai đến khu vực chòm mộ cặp vách nhà bà Huỳnh Thị T2 thuộc ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Nghe tiếng chó sủa nên bà T2 ra xem thì V liền nói “có cây mai nè, chín mua không”. Lúc này, bà T2 biết được cây mai là do V trộm được, T2 hỏi giá bao nhiêu thì V nói 1.500.000 đồng. T2 trả giá 1.000.000 đồng thì V không đồng ý bán mà bỏ đi về nhà cô của V gần đó. T2 đi vào nhà và nói với chồng là Lê Thế T1 về việc V bán cây mai trả giá 1.000.000 đồng nhưng V không bán. Nghe vậy, T1 lấy đèn pin đi ra xem cây mai thì thấy còn phần gốc chỉ còn dính ít đất nên biết là cây mai là do V trộm được. Trăng đi qua gặp V để trả giá 1.000.000 đồng nhưng V không bán, V nói được 1.200.000 đồng thì bán. T1 nói để về bàn với vợ. Sau khi T1 đi về nhà, V kêu T đi qua nhà T1 lấy tiền bán cây mai giá 1.200.000 đồng. Khi qua nhà T1 thì gặp T2 và T1, T2 đưa tiền cho T 1.150.000 đồng, trừ 50.000 đồng V mượn T2 trước đó. T và V chia nhau tiêu xài, V được chia 600.000 đồng, T được 550.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá số: 28/KL-HĐTĐGTS ngày 11/10/2023 của Hội đồng Thẩm định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: 01 cây mai vàng có kích thước tán rộng 1,7 mét, hoành 38 cm, chiều cao 1,3 mét tại thời điểm 17/9/2023 có giá trị là 7.000.000 đồng.

*** Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2024/HS-ST ngày 16/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:**

1. Về điều luật áp dụng và tội danh:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Hà Châu T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo **Lê Thế T1** phạm tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo **Hà Châu T 09** (chín) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày chấp hành án.

Xử phạt bị cáo **Lê Thế T1 06** (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày chấp hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, biện pháp tư pháp và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

*** Sau khi xét xử sơ thẩm:**

- Ngày 19 tháng 4 năm 2024 bị cáo **Lê Thế T1** có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hoặc xin được hưởng án treo.

- Ngày 26 tháng 4 năm 2024 bị cáo **Hà Châu T** có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Bị cáo **T** thừa nhận Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng tội và giữ nguyên kháng cáo.

- Bị cáo **T1** thừa nhận Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự là đúng tội và giữ nguyên kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo **T** về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, bị cáo **T1** về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật. Xét kháng cáo của các bị cáo thấy rằng, cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và xử phạt hai bị cáo mức án như đã tuyên là phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Xét đơn kháng cáo của các bị cáo về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của các bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của bản án sơ thẩm:

Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa qua kết quả thẩm vấn, lời khai bị cáo, cùng các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ thể hiện: Vì động cơ vụ lợi nên Hà Châu T rủ Nguyễn Minh V lấy trộm mai của anh Hồ Hữu D ngụ tại ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Kiên Giang để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì V đồng ý. Đến khoảng 02 giờ 50 phút ngày 17/9/2023 T điều khiển xe mô tô biển số 68C1-031.94 chở V lại lò sấy lúa của anh D. Khi đến nơi cả hai lên lúc nhổ cây mai trong chậu của anh D có kích thước tán rộng 1,7 mét, hoành 38 cm, chiều cao 1,3 mét. Sau đó cả hai chở cây mai đến nhà vợ chồng Lê Thế T1 và Huỳnh Thị T2 ở ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Kiên Giang để kêu bán mai. Mặc dù biết được cây mai mà V kêu bán là tài sản trộm cắp nhưng T1 và T2 vẫn đồng ý mua với giá 1.200.000 đồng. Theo kết luận định giá số: 28/KL-HĐTĐGTS ngày 11/10/2023 của Hội đồng Thẩm định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C thì cây mai vàng mà V và T trộm cắp có giá trị là 7.000.000 đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Hà Châu T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và bị cáo Lê Thế T1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Bị cáo Hà Châu T kháng cáo xin được hưởng án treo. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại và gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an tại địa phương. Giữa bị cáo và bị cáo V không có sự bàn bạc trước, chỉ là đồng phạm gián đơn. Vì động cơ vụ lợi và do lười lao động muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài nên bị cáo T đã chủ động rủ Nguyễn Minh V đến nhà bị hại Hồ Hữu D trộm mai. Lợi dụng đêm tối, hai bị cáo lên lút trộm cây mai vàng tại lò sấy lúa nhà anh D, bị cáo T thu lợi bất chính 550.000 đồng, qua định giá cây mai vàng có giá trị 7.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS, sau khi xét xử sơ thẩm, bị hại có đơn bãi nại xin cho bị cáo được hưởng án treo, đây là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS nhưng xét thấy mức án 09 tháng tù mà Tòa cấp sơ thẩm tuyên cho bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ và vai

trò bị cáo trong vụ án, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Bị cáo **Lê Thế T1** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hoặc được hưởng án treo. Xét thấy, bị cáo biết cây mai là tài sản trộm cắp nhưng vẫn đồng ý mua lại vì lợi ích cá nhân. Hành vi của bị cáo đã tạo điều kiện thuận lợi để tài sản trộm cắp được tiêu thụ và gây khó khăn cho việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt theo quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo mức án 06 tháng tù là phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo, đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không có căn cứ xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Hai bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm là 200.000 đồng.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Không chấp nhận kháng cáo của hai bị cáo **Hà Châu T** và **Lê Thế T1**.

- Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2024/HS-ST ngày 16/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Hà Châu T** 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày chấp hành án.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 323; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Thế T1 06** (sáu) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày chấp hành án.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

4. Các quyết định khác của Bản án số: 37/2024/HS-ST ngày 16/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại **Tp. HCM** (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Cơ quan điều tra huyện (1)
- VKSND huyện (1)
- TAND; THA huyện (1)
- CC THADS huyện (1)
- Bị cáo (1);
- Lưu (7).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Kế Nghiệp